

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 30/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Khắc H, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Diệu H1, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Nơi ở hiện nay: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

6. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

7. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

8. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số E, L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị N: Ông Lê Khắc H, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

9. Bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Juan S), sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số C, đường T, thôn T, xã H, huyện M, Đài Loan.

10. Bà Nguyễn Thị L1;

Địa chỉ: S-gu, S1-ro 11-gil 5, S, Korea.

11. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

12. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang;

Địa chỉ: Ấp D, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tổng giá trị tài sản tranh chấp tại thửa 429 và thửa 430 là 1.736.619.200 đồng. Bà Đ được nhận lại $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản tranh chấp là 868.309.600 đồng (tám trăm sáu mươi tám triệu ba trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng). Còn lại 868.309.600 đồng (tám trăm sáu mươi tám triệu ba trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng) là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C2 được chia đều 10 kỷ phần cho 10 đồng thừa kế, mỗi kỷ phần được nhận tương đương 86.830.960 đồng (tám mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Juan S), bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn S tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà Phạm Thị Đ. Bà Phạm Thị Đ được hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa 429, 430 theo Mạnh trích đo địa chính số số 14/HGR ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Công ty T2.

2.3. Bà Phạm Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả giá trị bằng một kỷ phần thừa kế trong phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C2 cho bà Nguyễn Thị Diệu H1; giá trị các tài sản (cây trồng, đồng hồ nước, đồng hồ điện) trên đất tranh chấp; công sức quản lý, gìn giữ, tôn tạo đất từ năm 2000 cho đến nay; chi phí di dời cho bà Nguyễn Thị Diệu H1 và ông Nguyễn Văn Đ1, số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu).

2.4. Bà Nguyễn Thị Diệu H1 và ông Nguyễn Văn Đ1 có nghĩa vụ giao lại phần đất tranh chấp và toàn bộ cây trồng trên đất cho nguyên đơn sử dụng và tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất được ký hiệu (7), (8), (9) theo Mảnh trích đo địa chính số 14/HGR ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Công ty T2 trên phần đất tranh chấp đến ngày 01/6/2024.

2.5. Bà Phạm Thị Đ được quyền liên hệ đến cơ quan chuyên môn để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 429, 430 theo mảnh trích đo địa chính số 14/HGR ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Công ty T2.

2.6. Riêng phần đất còn lại tại thửa 427, 428 (theo Mảnh trích đo địa chính số 14/HGR ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Công ty T2) do cấp nhầm cho ông Nguyễn Văn N1 nên các đương sự thống nhất tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác.

2.7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.7.1. Miễn toàn bộ án phí cho bà Phạm Thị Đ do bà Đ là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

2.7.2. Bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Juan S), bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn S mỗi người phải chịu 2.170.774 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0000987 ngày 13/4/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Bà Nguyễn Thị Kim L còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.870.774 (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi tư) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Ông Nguyễn Văn C đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000988 ngày 13/4/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Ông Nguyễn Văn C còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.870.774

(một triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi tư) đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Juan S) đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000989 ngày 13/4/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Bà Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.870.774 (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi tư) đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000990 ngày 13/4/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.870.774 (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi tư) đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị T1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000991 ngày 13/4/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Bà Nguyễn Thị T1 còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.870.774 (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi tư) đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị C1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000992 ngày 13/4/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Bà Nguyễn Thị C1 còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.870.774 (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi tư) đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Ông Nguyễn Văn S đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000993 ngày 13/4/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Ông Nguyễn Văn S còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.870.774 (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi tư) đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000994 ngày 13/4/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy. Bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.870.774 (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi tư) đồng.

2.7.3. Bà Nguyễn Thị Diệu H1 và ông Nguyễn Văn Đ1 liên đới chịu 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000986 ngày 07 tháng 4 năm 2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy và số tiền

8.750.000 (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000412 ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Bà Nguyễn Thị Diệu H1 và ông Nguyễn Văn Đ1 được nhận lại số tiền 2.850.000 (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000412 ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

2.8. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ 12.663.000 (mười hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn) đồng, bà đã thực hiện xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phụng